

Bản án số: **06/2019/HSST**

Ngày: **24 – 01 - 2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Đại Đồng**.

Ông **Trần Xuân Tộ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Duy Quang** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở TAND huyện M, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 11/01/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S - Sinh năm 1990; Sinh trú quán: Xóm 4, thôn P, xã P, huyện M, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 8/12; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Nguyễn Thị P; Vợ: Trần Thị N (Đã chết); có 01 con sinh năm 2009; TATS: Theo danh chỉ bản số 266 ngày 25/11/2018 của Công an huyện M lập và lý lịch địa phương cung cấp bị cáo không có tiền sự.

- **Tiền án:** Ngày 13/11/2010, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm 06 tháng tù về về tội: Cướp giật tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2017.

- **Nhân thân:** Ngày 15/01/2010 bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bắt ngày **30/10/2018**. Có mặt.

Những người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970

Đều trú tại: Xóm 4, thôn P, xã P, huyện M, TP Hà Nội. (Đều có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1994.

2. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1993.

Đều trú tại: Xóm 4, thôn P, xã P, huyện M, TP Hà Nội. (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/9/2018 ông Nguyễn Văn C ở Xóm 4, thôn P có đến Công an huyện M, trình báo việc: khoảng 11 giờ 30 ngày 30/9/2018 gia đình ông phát hiện bị kẻ gian phá kết sắt trộm cắp số tiền khoảng 250 triệu đồng và 1,3 cây vàng (gồm 05 nhẫn vàng mỗi chiếc trọng lượng 2 chỉ và 1 dây chuyền 3 chỉ); Nghi đối tượng trộm cắp là Nguyễn Văn S, là con trai ông.

Cùng ngày 30/9/2018 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định và thu giữ: 1 kết sắt màu xanh đen bị cạy phần cửa trước kết, phần phía trong bị bật khỏi vị trí ban đầu; 1 tua vít dài 13,5cm; 1 búa đinh KT 25cm; 1 dao dài 41x7cm, chuôi dao dài 10cm; 1 xà beng dài 91cmx6,5cm; 1 xà cày 75cmx11cm.

Ngày 30/10/2018 Công an M có lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn S và thu giữ của S:

- 1 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có chiều dài 53cm
- Số tiền 30.000 đồng

Quá trình điều tra làm rõ:

Do có mâu thuẫn với bố đẻ là ông Nguyễn Văn C nên S nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong kết sắt của gia đình để bỏ nhà đi. Khoảng 19 giờ ngày 29/9/2018 S gặp Nguyễn Văn T ở P, M. Cả hai rủ nhau về nhà Nguyễn Văn T1 ở P chơi, sau đó S đưa cho T 100.000đ và nhờ T mua một chiếc xà cày. T đồng ý và đến cửa hàng của chị Đàm Thị T2 ở xã V, huyện U mua 01 chiếc xà cày về đưa cho S cất tại đệ đường gần cổng nhà T1. T và S cùng ngủ lại nhà T1, đến khoảng 4 giờ sáng 30/9/2018 thì về nhà. S mang xà cày cất tại phòng ngủ của mình.

Khoảng 8 giờ sáng cùng ngày, thấy mọi người trong gia đình đã đi làm, ở nhà chỉ còn lại bà nội S là cụ Đàm Thị T3 và bà Nguyễn Thị N ở xã C, (là người giúp việc). S mở nhạc và bật loa to cho mọi người không nghe thấy tiếng phá kết sau đó lấy dưới bếp 1 con dao dũa, 1 xà beng, 1 búa, 1 tua vít và xà cày do S mua và mở cửa phòng ngủ của ông C để cạy mở kết sắt, S thấy tiền được buộc thành từng cọc, S lấy tiền và 5 nhẫn vàng, 1 dây chuyền vàng cho vào túi ninong và đi bộ đến ngã ba P, thuê xe taxi đến một phòng nghỉ ở quận H.

Khoảng 18 giờ cùng ngày S mang 4 chiếc nhẫn vàng đến cửa hàng vàng bạc M, quận H để bán được 8 chỉ vàng (loại vàng 9999) với số tiền 27.200.000 đồng; Sau đó, S về nhà nghỉ mang số tiền trộm cắp của gia đình đếm được 115.000.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 1/10/2018 S đi xe khách vào TP. Hồ Chí Minh và mang 01 dây chuyền 3 chỉ; 01 nhẫn 2 chỉ (đều là vàng 9999) bán cho một cửa hàng vàng bạc ở quận 2 được 16.500.000đ, sau đó mua một dây chuyền vàng tây giá 7000.000 đồng và đi sang Campuchia đánh bạc; khoảng một tuần thua còn khoảng 40 triệu thì về Việt Nam chơi ở Nha Trang Đến ngày 27/10/2018 thì về Hà Nội.

Cùng ngày 05/11/2018 Công an M có yêu cầu giám định số 194 để xác định các dấu vết cạy phá bên ngoài kết có phải do dao, xà beng, xà cày, búa, tua vít như đã thu giữ không? Và yêu cầu giám định số 195 để xác định 01 dây chuyền kim loại màu vàng thu giữ của S có phải là vàng không? khối lượng và tỉ lệ vàng trong mẫu cần giám định.

Ngày 15/11/2018 Viện khoa học hình sự Bộ Công An có kết luận số 6136 đối với chiếc dây chuyền gửi giám định có khối lượng: 11,03 gam là vàng (Au) trang sức. Hàm lượng Au trung bình: 43,03%; hàm lượng đồng (Cu) trung bình: 45,61%; hàm lượng kẽm (Zn) trung bình: 5,99%, hàm lượng bạc (Ag) trung bình: 5,37%.

Ngày 17/12/2018 Viện khoa học hình sự Bộ Công An có kết luận số 6921, kết luận:

- Dấu vết cạy phá ký hiệu số 1 ở kết sắt gửi giám định là do chiếc xà cày kích thước (75x11)cm tạo ra.

- Các dấu vết cạy phá còn lại chiếc kết sắt gửi giám định do vật cứng có cạnh tạo ra, đặc điểm riêng của dấu vết không thể hiện rõ nên không xác định được có phải do con dao kích thước (41x7)cm, chiếc xà beng kích thước (91x6,5)cm, chiếc xà cày kích thước (75x11)cm, chiếc búa đinh dài 25cm, phần búa bằng kim loại kích thước (14x3x3)cm hay chiếc tua vít dài 13,5cm tạo ra hay không?

Ngày 14/11/2018 Công an M có yêu cầu định giá tài sản số 59 đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M đối với 1,3 cây vàng ta loại 9999, gồm 5 nhẫn mỗi nhẫn trọng lượng 02 chỉ, 01 dây chuyền vàng trọng lượng 03 chỉ.

Tại kết luận định giá tài sản số 53 ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị tài sản xem xét trên hồ sơ của 13 chỉ vàng loại vàng 9999 có tổng giá trị tại thời điểm: 44.850.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh, xác định: Số tiền ông C bị S chiếm đoạt là 115.000.000 đồng và 05 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 10 chỉ đều là tiền của vợ chồng tiết kiệm, không có công sức đóng góp của S. Ông C, bà P không có đề nghị gì. Riêng 01 chiếc dây chuyền trọng lượng 3 chỉ là của chị Nguyễn Thị P1, sinh năm là con dâu và Nguyễn Văn V - con trai gửi ông C. Chị P1, anh V cũng không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi theo đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 11/01/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố Nguyễn Văn S về tội: Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

- Nguyễn Văn S từ 28 đến 30 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận tại phiên tòa bị cáo và các đương sự trong vụ án đã bồi thường xong, không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 kết sắt, 01 tua vít dài 01 búa đinh, 01 dao, 01 xà beng, 1 xà cày, 01 khóa V Tiệp.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 dây chuyền và 30.000đ.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn S tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08h ngày 30/9/2018 Nguyễn Văn S lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bố, mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P đã lén lút chiếm đoạt 115.000.000đ, 1.3 cây vàng 9999, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt **159.850.000đ**. Xác định tài sản trên thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P. Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận T1 được hành vi của mình nhưng cố ý vi phạm.

Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2010 bị Công an xã P xử lý vi phạm hành chính do có hành vi Cố

ý gây thương tích. Năm 2012 bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm 06 tháng tù về về tội: Cướp giật tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần phải xử lý thật nghiêm minh và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét đến việc khai báo thành khẩn, bị cáo thực sự ăn năn hối cải mong nhận lượng khoan hồng của pháp luật, đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án, những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tha thiết đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giữa bị cáo và người bị hại có quan hệ ruột thịt trong gia đình nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện bị cáo yên tâm cải tạo.

Về hình phạt bổ sung : Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập có mức độ không có điều kiện để thi hành nên không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S và những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã thống nhất tự nguyện, thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ hậu quả của vụ án. Xét thấy việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 1 kết sắt màu xanh đen, 1 tua vít; 1 búa đinh; 1 con dao, 1 xà beng, 1 xà cày, 1 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và số tiền 30.000 đồng. Đối với 01 kết sắt, 01 khóa V Tiệp; 01 tua vít, 01 búa đinh, 01 dao, 01 xà beng, 1 xà cày là vật không còn giá trị sử dụng, công cụ phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 dây chuyền màu vàng và 30.000đ: Đây là tài sản riêng của bị cáo S, bản thân bị cáo đã bồi thường trách nhiệm dân sự đầy đủ nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến vụ án còn có Nguyễn Văn T là người mua cho S chiếc xà cày nhưng không biết S dùng để trộm cắp tài sản nên không xem xét, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt :

Nguyễn Văn S **28 (Hai mươi Tám) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt: **30/10/2018**.

2. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 kết sắt, 01 tua vít dài 01 búa đinh, 01 dao, 01 xà beng, 1 xà cày, 01 khóa V Tiệp.

- Cho thi hành trả lại bị cáo Nguyễn Văn S: 01 dây chuyền màu vàng và 30.000đ.

(Hiện có theo Biên bản giao tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý; Phiếu nhập kho; Giấy nộp tiền vào tài khoản cùng ngày 11/01/2019 chi tiết về số lượng, tình trạng, đặc điểm của Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/01/2019 giữa \Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện M, TP Hà Nội).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

4 . Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP HN;
- Công an huyện M;
- Viện kiểm sát ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;
- Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Bình